

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Vũ Ngọc Hân

2, Bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông
Đông Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh
Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-
HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
19/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh năm 1984.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12.

Con ông: Lê Minh L, sinh năm 1961.

Con bà: Ngô Thị P, sinh năm 1962.

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ hai.

Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 11/10/2018 đến ngày 14/10/2018 được
thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

*** Bị hại:** Công ty X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Z- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại H, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô A, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Bùi Tiến D, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Quách Xuân D, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã T1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Lê Văn T, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H, sinh năm 1984 trú tại Thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là công nhân làm việc tại bộ phận kho hàng thành phẩm của Công ty X có địa chỉ tại lô A thuộc địa bàn xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quá trình làm việc tại đây, H thấy kho của công ty có để một số cuộn dây điện hạ thế chưa qua sử dụng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Ngày 10/10/2018, H làm việc ca đêm từ 19 giờ 30 phút đến 07 giờ 30 phút ngày 11/10/2018. Khoảng 23 giờ ngày 10/10/2018, lợi dụng lúc trong kho không có ai, H đi ra khu vực cầu xuất hàng ở gần đó lấy 01 chiếc kìm cộng lực của Công ty rồi quay lại kho thành phẩm đi đến vị trí để cuộn dây cáp điện hạ thế CU/XLPE/PVC loại 1 x 300 mm². H dùng kìm cộng lực lần lượt cắt được 12 đoạn dây cáp điện hạ thế rồi dùng cuộn màng bọc bằng nilon màu trắng ở gần đó cuộn 12 đoạn dây cáp điện lại thành 01 bó cho vào trong 01 chiếc túi nilon màu đen. H mang chiếc kìm cộng lực ra để ở vị trí cũ rồi quay lại lấy túi nilon màu đen bên trong có 12 đoạn dây cáp điện giấu vào trong chiếc áo đang mặc trên người rồi đi ra khu vực nhà để xe của công nhân, H giấu toàn bộ số dây cáp điện vừa trộm cắp được tại khe giữa hai kiện hàng thành phẩm để lúc nào thuận lợi sẽ đem đi tiêu thụ. Khi H đi từ nhà để xe trở lại kho thành phẩm thì bị Tổ bảo vệ của Công ty phát hiện kiểm tra thu giữ các đoạn dây cáp điện và đưa H về phòng bảo vệ công ty làm việc. Tại đây, Ông Nguyễn Bá T là Tổ trưởng tổ bảo vệ của Công ty X đã lập biên bản vi phạm đối với Lê Văn H.

Ngày 11/10/2018, đại diện Công ty X có đơn trình báo Công an thành phố B. Ngày 11/10/2018, Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường vụ án, thu giữ hình ảnh trong camera giám sát an ninh của Công ty X. Ngày 11/10/2018, Ông Lê Đại H đại diện cho Công ty X đã giao nộp cho Cơ quan điều tra những đồ vật tài sản gồm:

- 12 đoạn dây cáp điện 1 x 300 mm² bên trong có 61 lõi kim loại màu vàng đồng, bên ngoài có vỏ bọc nhựa màu đen, tổng chiều dài các đoạn là 4,8m;
- 01 chiếc kìm cộng lực bằng kim loại dài 1,06 m sơn màu vàng, tay cầm bọc nhựa màu đen.
- 01 cuộn màng bọc nilon màu trắng, lõi bằng giấy ép dài 52cm, đường kính 7cm.

Cơ quan điều tra đã kiểm tra các đoạn dây cáp đã thu giữ, kết quả như sau: 02 đoạn mỗi đoạn dài 47cm, 03 đoạn mỗi đoạn dài 46cm, 03 đoạn mỗi đoạn dài 45cm, 02 đoạn mỗi đoạn dài 43cm, 01 đoạn dài 14cm và 01 đoạn dài 13cm. Đối với chiếc túi nilon màu đen, Cơ quan điều tra đã rà soát nhưng không thu giữ được.

Ngày 11/10/2018, H đến Công an thành phố B đầu thú và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, vỏ màu đen đã qua sử dụng.

Tại kết luận định giá tài sản số 116/KL- HĐĐG ngày 12/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “4,8 m dây cáp điện hạ thế CU/XLPE/PVC loại 1 x 300 mm² vỏ màu đen, lõi đồng (61 dây lõi đồng), mỗi mét có giá 819.000 đ/m, có giá trị là: 4,8 m x 819.000 đ/m = 3.931.200 đồng”.

Quá trình điều tra, Lê Văn H đã tự nguyện bồi thường cho Công ty X số tiền là 3.931.200 đồng. Ngày 20/11/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản tạm giữ cho Công ty X. Đến nay, đại diện của Công ty X không có yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Lê Văn H.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 02 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo H khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng tội, không oan sai. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng

tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 10/10/2018, tại kho hàng thành phẩm của Công ty X, lô A thuộc địa bàn xã S, thành phố B, Lê Văn H đã có hành vi chiếm đoạt 4,8 m dây cáp điện hạ thế CU/XLPE/PVC loại 1 x 300 mm² có giá trị là 3.931.200 đồng của Công ty X. Hành vi của bị cáo Lê Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và được đại diện của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Xét thấy không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo của bị cáo, Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho Lê Văn H là phù hợp với quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 5.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Chuyên